

Số: 24/2025/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung, mức hỗ trợ, danh mục sản phẩm đặc thù áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; Thông tư số 06/2018/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm

nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 49/2013/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung, mức hỗ trợ, danh mục sản phẩm đặc thù áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 4 năm 2025 và thay thế Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2017 và Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông

ng nghiệp và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Khu vực 3;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực IX;
- Như Điều 3;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Điện Biên Phủ;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, BTCD_(TVH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức hỗ trợ, danh mục sản phẩm đặc thù áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định danh mục sản phẩm đặc thù; nội dung và mức hỗ trợ đối với sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Các chính sách hỗ trợ tại Quy định này nếu trùng với chính sách hỗ trợ khác nhau thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất; các nội dung không có trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế (sau đây gọi tắt là người sản xuất) sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản an toàn thuộc danh mục sản phẩm được hỗ trợ tại Điều 2 Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và Điều 3 Quy định này.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ đối với sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông lâm thủy sản áp dụng VietGAP trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Danh mục sản phẩm đặc thù của địa phương

1. Sản phẩm chăn nuôi: bò thịt, dê thịt, trâu thịt.
2. Sản phẩm thủy sản: cá chép, cá trắm, cá lăng, cá bống, cá tầm, cá hồi.
3. Sản phẩm trồng trọt, lâm nghiệp: mắc ca, cây dược liệu.

Điều 4. Quy mô tối thiểu vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp

dụng VietGAP

TT	Hạng mục	Quy mô tối thiểu	
		Tổ chức	Cá nhân, Hộ gia đình
1	Trồng rau (rau, củ, quả) các loại	01 ha	0,1 ha
2	Trồng cây ăn quả	03 ha	0,5 ha
3	Trồng cà phê	05 ha	01 ha
4	Trồng chè	03 ha	0,5 ha
5	Trồng lúa	05 ha	0,5 ha
6	Trồng cây Mắc ca	05 ha	01 ha
7	Trồng cây Dược liệu (làm thực phẩm)	0,5 ha	0,1 ha
8	Nuôi lợn thịt	500 con	100 con
9	Nuôi gia cầm (gà, ngan, vịt)	2.000 con	500 con
10	Nuôi riêng hoặc nuôi hỗn hợp trâu, bò thịt	150 con	50 con
11	Nuôi dê thịt	300 con	100 con
12	Nuôi ong	500 thùng	200 thùng
13	Thủy sản (cá rô phi, cá chép, cá trắm, cá lăng, cá bống, cá tầm, cá hồi)	Thể tích nuôi lồng bè, bể: 500 m ³ trở lên; diện tích nuôi ao, hồ: 10.000 m ² trở lên	

Chương II**NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ ÁP DỤNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT****Điều 5. Hỗ trợ vùng sản xuất tập trung****1. Mức hỗ trợ**

a) Hỗ trợ 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm, thủy sản áp dụng VietGAP.

b) Hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP. Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Hạn mức hỗ trợ

a) Đối với hỗ trợ kinh phí phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí: hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự án sản xuất sản phẩm trồng trọt hỗ trợ không quá 40.000.000 đồng/dự án; dự án sản xuất sản phẩm chăn nuôi hỗ trợ không quá 10.000.000 đồng/dự án; dự án nuôi thủy sản hỗ trợ không quá 12.000.000 đồng/dự án.

b) Đối với hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo: hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Hỗ trợ người sản xuất áp dụng VietGAP

1. Hỗ trợ tổ chức tập huấn cho người lao động áp dụng VietGAP

a) Mức hỗ trợ: hỗ trợ (01) một lần 100% kinh phí tổ chức tập huấn, đào tạo, dạy nghề người lao động áp dụng VietGAP.

b) Nội dung hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

c) Hạn mức hỗ trợ: hỗ trợ không quá 02 lớp/01 huyện, thị xã, thành phố/01 năm.

2. Hỗ trợ thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP).

a) Mức hỗ trợ: hỗ trợ (01) một lần 100% kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP.

b) Hạn mức hỗ trợ: hỗ trợ cấp lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng các mô hình áp dụng tiên bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và áp dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM)

Hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

Điều 8. Hỗ trợ kinh phí tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ quản lý,

cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp kiến thức về áp dụng VietGAP

1. Mức hỗ trợ: hỗ trợ (01) một lần 100% kinh phí tổ chức tập huấn, đào tạo.
2. Nội dung hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.
3. Hạn mức hỗ trợ: căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu thực tế từng huyện, thị xã, thành phố để chủ động thực hiện.

Điều 9. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại

1. Mức hỗ trợ: theo quy định tại Điều 10 Quy chế sử dụng, quản lý Quỹ Xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.
2. Nội dung được hỗ trợ: theo quy định tại Điều 9 Quy chế sử dụng, quản lý Quỹ Xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.
3. Hạn mức hỗ trợ: theo chương trình xúc tiến thương mại do từng đơn vị xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Lập, phê duyệt dự toán, dự án kinh phí hỗ trợ hàng năm

1. Lập, phê duyệt dự toán

Căn cứ kết quả đăng ký VietGAP, dự án của người sản xuất, hàng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp và lập dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.
2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án
 - a) Căn cứ đăng ký áp dụng VietGAP của người sản xuất và dự toán kinh phí được giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị chuyên môn rà soát, đánh giá, lập dự án hỗ trợ. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thành lập tổ thẩm định dự án, phê duyệt và triển khai các dự án theo các nội dung đã phê duyệt trong dự án và các quy định hiện hành.
 - b) Nội dung của dự án cần cụ thể, đầy đủ và đảm bảo các nội dung sau: chủ đầu tư; địa bàn hoặc đơn vị áp dụng VietGAP; mục tiêu; đối tượng được hỗ trợ; nội dung thực hiện; cấp độ áp dụng VietGAP; dự án thành phần (nếu có); sản phẩm của dự án; chế độ quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước đầu tư, hỗ trợ.

Điều 11. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; lồng ghép trong các chương trình, dự án, đề án liên quan triển khai thực hiện trên địa bàn; nguồn kinh phí khuyến nông; kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ và các nguồn kinh phí sự nghiệp khác.

2. Nguồn đóng góp, ủng hộ của các cá nhân, tổ chức và các nguồn hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách và các vướng mắc, phát sinh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hàng năm, tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khảo sát điều kiện của cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP; hướng dẫn cơ sở lựa chọn các tổ chức tư vấn, đánh giá, chứng nhận cho các cơ sở tham gia áp dụng VietGAP trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với các bộ, ngành Trung ương thông qua các chương trình, dự án để hỗ trợ đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn VietGAP; tham mưu xây dựng các chương trình, dự án về áp dụng VietGAP được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương. Tổ chức thẩm định và triển khai thực hiện các dự án VietGAP theo quy định.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra cơ sở, dự án sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản và thủy sản an toàn theo quy trình VietGAP thực hiện thủ tục môi trường và những nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý theo quy định.

e) Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, cân đối nguồn kinh phí, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện theo phân cấp ngân sách

hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng các chương trình, dự án sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản áp dụng VietGAP tại địa phương và tổng hợp nguồn vốn đầu tư hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng để thực hiện các dự án; tham gia thẩm định các nội dung liên quan theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn người sản xuất xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài, hỗ trợ đổi mới công nghệ trong sản xuất.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên triển khai thực hiện các đề tài, dự án về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến các sản phẩm VietGAP. Tổng hợp dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ nội dung xây dựng bảo hộ thương hiệu, sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với các sản phẩm theo quy định; xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan gửi Sở Tài chính.

4. Sở Công Thương

Căn cứ kế hoạch hàng năm, ưu tiên xây dựng và hỗ trợ các chương trình xúc tiến thương mại về phân phối, lưu thông, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông sản và thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP; vận động, tuyên truyền người tiêu dùng sử dụng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn các cơ sở đào tạo nghề tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với các đơn vị, đoàn thể liên quan tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký và lập dự án sản xuất áp dụng quy trình VietGAP để được hưởng các cơ chế chính sách theo quy định.

2. Hướng dẫn người sản xuất xây dựng dự án và đề xuất kinh phí cụ thể về phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản và thủy sản theo tiêu chuẩn quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn.

3. Lập dự toán kinh phí hỗ trợ hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp là nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh) tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh

xem xét, phê duyệt.

4. Tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án, tổ chức thực hiện, hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quyết định này; kiểm tra, giám sát; thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện các dự án VietGAP theo quy định.

5. Chịu trách nhiệm chỉ đạo theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm áp dụng VietGAP của các cơ sở trên địa bàn quản lý.

6. Định kỳ sáu tháng, hàng quý, tổng hợp, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Ngân hàng Nhà nước Khu vực 3

Chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn tỉnh ưu tiên bố trí nguồn vốn vay cho các chương trình, dự án sản xuất, sơ chế các sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

2. Kho bạc Nhà nước khu vực IX

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị gửi hồ sơ, chứng từ đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện kiểm soát chi để thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi theo quy định.

3. Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức vận động, tuyên truyền người sản xuất, sơ chế áp dụng VietGAP, người kinh doanh tiêu thụ sản phẩm an toàn.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên Phủ

Phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền, thông tin về sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm nông sản và thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của Doanh nghiệp, Hợp tác xã, người sản xuất

1. Thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010; các quy định tại Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, Thông tư số 06/2018/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT; các quy định, hướng dẫn liên quan về VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và những quy định khác có liên quan.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ; báo cáo kết quả thực hiện dự án, chương trình về cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị tổng hợp, phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.